

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA, 360 Kim Mã,
P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-27
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ	09-10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11-13
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	14
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	15-27

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA, 360 Kim Mã,
P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán CV (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV (tên cũ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hưng Thịnh) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp; Giấy phép điều chỉnh số 40/GPĐC-UBCK ngày 05/09/2013; Giấy phép điều chỉnh số 12/GPĐC-UBCK ngày 11/02/2015; Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK ngày 21/04/2015; Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 13/06/2017; Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 28/07/2017; Giấy phép điều chỉnh số 49/GPĐC-UBCK ngày 12/10/2017 và Giấy phép điều chỉnh số 34/GPĐC-UBCK ngày 03/05/2018 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA, 360 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Jia Ming Hui	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15/03/2018
Ông Hu Ji Zhi	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 15/03/2018
Ông Jiang Wen	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15/03/2018
Ông Wei Xue Zhi	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15/03/2018
Ông Jia Ming Hui	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15/03/2018
Ông Xiong Li Ting	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15/03/2018
Ông Zhang Meng You	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15/03/2018
Ông Nguyễn Kim Hậu	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Kim Hậu	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thị Hoài Thu	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29/06/2018
Bà Nguyễn Thị Hương	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 29/06/2018
Bà Dương Thùy Trang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2018
Bà Nguyễn Thu Giang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2018
Ông Đinh Quang Hoạt	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29/06/2018
Ông Nguyễn Mạnh Linh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29/06/2018

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA, 360 Kim Mã,
P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Hậu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2018

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán CV**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV được lập ngày 12 tháng 07 năm 2018, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		38.314.841.163	5.823.474.261
110	I. Tài sản tài chính		36.112.146.672	5.432.410.403
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	7.795.551.353	4.633.813.972
111.1	1.1 Tiền		795.551.353	4.633.813.972
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		7.000.000.000	-
113	2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	4	28.000.000.000	-
117	3. Các khoản phải thu	5	259.115.069	-
117.2	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		259.115.069	-
117.4	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		259.115.069	-
118	4. Trả trước cho người bán		57.480.250	643.635.000
119	5. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	5	-	900.000.000
122	6. Các khoản phải thu khác	5	-	154.961.431
129	7. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu		-	(900.000.000)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		2.202.694.491	391.063.858
131	1. Tạm ứng		-	281.058.000
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	6	2.127.078.889	18.674.167
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7	5.000.000	73.053.750
136	4. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	8	70.615.602	18.277.941
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.846.073.297	4.451.185.583
220	II. Tài sản cố định		1.975.177.361	2.123.591.490
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.194.069.079	1.275.597.688
222	- Nguyên giá		3.625.630.459	4.094.062.647
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.431.561.380)	(2.818.464.959)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	781.108.282	847.993.802
228	- Nguyên giá		3.426.712.500	5.551.457.400
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.645.604.218)	(4.703.463.598)
250	V. Tài sản dài hạn khác		2.870.895.936	2.327.594.093
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	7	612.322.110	616.597.110
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	6	2.258.573.826	1.710.996.983
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		43.160.914.460	10.274.659.844

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		618.474.156	271.532.149
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		618.474.156	271.532.149
321	1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		100.000.000	-
322	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	1.272.727	4.687.274
323	3. Phải trả người lao động		453.686.429	-
324	4. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		63.515.000	1.540.000
325	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	265.304.875
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		42.542.440.304	10.003.127.695
410	I. Vốn chủ sở hữu	12	42.542.440.304	10.003.127.695
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		90.000.000.000	50.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		90.000.000.000	50.000.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		90.000.000.000	50.000.000.000
417	2. Lợi nhuận chưa phân phối		(47.457.559.696)	(39.996.872.305)
417.1	2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(47.457.559.696)	(39.996.872.305)
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		43.160.914.460	10.274.659.844

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		900.000.000	-
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)		9.000.000	5.000.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
026	1. Tiền gửi của khách hàng	13	43.244.020	43.244.020
027	1.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		43.244.020	43.244.020
031	2. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	14	43.244.020	43.244.020
031.1	2.1 <i>Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>		43.244.020	43.244.020

Vũ Thị Thúy Hà
Người lập

Vũ Thị Thúy Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Hậu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

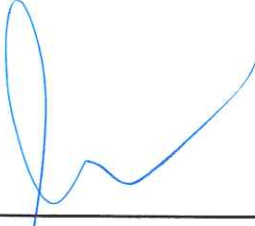
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

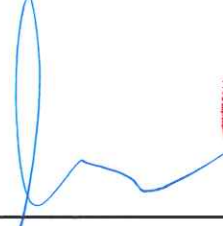
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2018	Từ 01/01/2017
			đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
			VND	VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
02	1.1 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	15	259.115.069	-
08	1.2 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		-	32.600.000
20	Cộng doanh thu hoạt động		259.115.069	32.600.000
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
27	2.1 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		-	303.323
31	2.2 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		-	9.000.000
40	Cộng chi phí hoạt động		-	9.303.323
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	16		
42	3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		58.379.312	26.953.952
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		58.379.312	26.953.952
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
60	Cộng chi phí tài chính		-	-
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	17	7.733.433.415	1.847.765.834
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		(7.415.939.034)	(1.797.515.205)
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác		12.727.273	15.002.045
72	8.2 Chi phí khác	18	57.475.630	79.466.350
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(44.748.357)	(64.464.305)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2018	Từ 01/01/2017
			đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
			VND	VND
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(7.460.687.391)	(1.861.979.510)
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		(7.460.687.391)	(1.861.979.510)
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	19	-	-
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		<u>(7.460.687.391)</u>	<u>(1.861.979.510)</u>
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	20	(829)	(372)


Vũ Thị Thúy Hà
Người lập


Vũ Thị Thúy Hà
Kế toán trưởng


Nguyễn Kim Hậu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

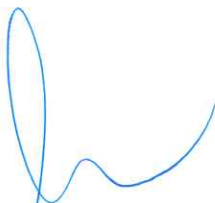
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2018	Từ 01/01/2017
			đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		(7.460.687.391)	(1.861.979.510)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		486.184.817	1.413.649.090
03	- Khấu hao tài sản cố định		516.663.499	540.603.042
04	- Các khoản dự phòng		-	900.000.000
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(30.478.682)	(26.953.952)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(29.525.989.357)	12.302.237.780
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		(28.000.000.000)	-
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(259.115.069)	-
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		100.000.000	-
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		154.961.431	82.336
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		281.058.000	11.900.886.990
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(265.304.875)	-
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		(2.655.981.565)	311.887.594
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		586.154.750	(108.856.058)
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		61.975.000	(5.284.080)
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		(55.752.208)	(113.353.853)
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		453.686.429	-
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		-	(31.302.755)
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		102.628.750	390.117.606
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(30.300.000)	(41.940.000)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(36.500.491.931)	11.853.907.360
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(396.150.000)	-
65	5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		58.379.312	26.953.952
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(337.770.688)	26.953.952

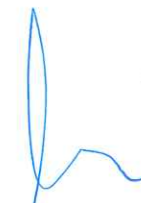
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2018	Từ 01/01/2017
			đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
			VND	VND
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
71	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		40.000.000.000	-
80	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>40.000.000.000</i>	-
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ		3.161.737.381	11.880.861.312
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		4.633.813.972	235.543.796
101.1	- Tiền		4.633.813.972	235.543.796
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		7.795.551.353	12.116.405.108
103.1	- Tiền		795.551.353	12.116.405.108
103.2	- Các khoản tương đương tiền		7.000.000.000	-


Vũ Thị Thúy Hà
Người lập


Vũ Thị Thúy Hà
Kế toán trưởng

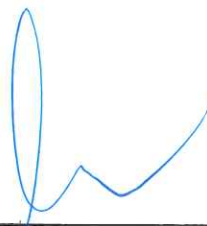

Nguyễn Kim Hậu
Tổng Giám đốc

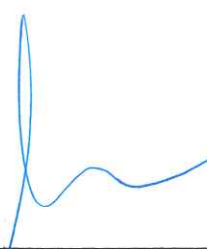
Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2018


PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2018	Từ 01/01/2017
			đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
07	1. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		-	(134.447.547)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ		-	(134.447.547)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng		43.244.020	177.691.567
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		43.244.020	177.691.567
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		43.244.020	170.992.277
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		-	6.699.290
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng		43.244.020	43.244.020
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		43.244.020	43.244.020
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		43.244.020	43.244.020


Vũ Thị Thúy Hà
Người lập


Vũ Thị Thúy Hà
Kế toán trưởng


Nguyễn Kim Hậu
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
 Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ	
		01/01/2017		Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017		Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	
		VND	VND	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
I. Biến động vốn chủ sở hữu							
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		50.000.000.000	-	-	40.000.000.000	-	90.000.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	-	-	40.000.000.000	-	90.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối		(33.519.860.758)	(1.861.979.510)	-	(7.460.687.391)	-	(47.457.559.696)
2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(33.519.860.758)	(1.861.979.510)	-	(7.460.687.391)	-	(47.457.559.696)
TỔNG CỘNG		16.480.139.242	(1.861.979.510)	-	32.539.312.609	-	42.542.440.304



Vũ Thị Thúy Hà
 Người lập

Vũ Thị Thúy Hà
 Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2018



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV (tên cũ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hưng Thịnh) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp; Giấy phép điều chỉnh số 40/GPĐC-UBCK ngày 05/09/2013; Giấy phép điều chỉnh số 12/GPĐC-UBCK ngày 11/02/2015; Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK ngày 21/04/2015; Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 13/06/2017; Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 28/07/2017; Giấy phép điều chỉnh số 49/GPĐC-UBCK ngày 12/10/2017 và Giấy phép điều chỉnh số 34/GPĐC-UBCK ngày 03/05/2018 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA, 360 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 90 tỷ đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 90.000.000.000 đồng; tương đương 9.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Tư vấn đầu tư chứng khoán.

1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Theo Kế hoạch khôi phục hoạt động kinh doanh và phương hướng phát triển Công ty Cổ phần Chứng khoán CV giai đoạn 2017 - 2020, Công ty thực hiện tăng vốn từ 50 tỷ đồng lên 400 tỷ đồng trong năm 2018 để được cấp phép lại hoạt động nghiệp vụ môi giới chứng khoán, nghiệp vụ tự doanh chứng khoán, nghiệp vụ bảo lãnh phát hành. Trong kỳ, Công ty đã tiến hành bổ sung vốn góp theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/2018/NQ-ĐHCĐ ngày 15/03/2018. Công ty đã nhận số vốn góp của Viet Ocean Securities Financial Holdings Company Limited bằng số tiền chuyển khoản là 40.000.000.000 đồng tương ứng với 4.000.000 cổ phần. Vốn điều lệ của Công ty tại 30/06/2018 theo giấy phép điều chỉnh số 34/GPĐC-UBCK ngày 03/05/2018 là 90.000.000.000 đồng tương ứng với 9.000.000 cổ phần đang lưu hành. Công ty đã gửi hồ sơ xin cấp phép bổ sung hoạt động môi giới chứng khoán theo giấy đề nghị điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 023/2018/ CVS ngày 07/05/2018 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các hồ sơ gửi kèm theo quy định.

Căn cứ vào Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 48/GPĐC-UBCK ngày 11/07/2018, Ủy ban chứng khoán chấp nhận bổ sung hoạt động môi giới chứng khoán cho Công ty Cổ phần Chứng khoán CV. Với các thủ tục đang tiến hành, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 có hiệu lực thi hành từ năm tài chính 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

2.5 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.6 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	02 - 08 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Phần mềm giao dịch, bằng sáng chế	02 - 08 năm

2.7 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.8 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.9 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối kỳ trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối kỳ trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

2.10 . Doanh thu, thu nhập

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

2.11 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.12 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu đầu tư khác.

2.13 . Các khoản thuế

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.14 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	267.956.467	258.544.167
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	527.594.886	4.375.269.805
Các khoản tương đương tiền	7.000.000.000	-
	<u>7.795.551.353</u>	<u>4.633.813.972</u>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng, được gửi tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á với lãi suất 5,1%/năm.

4 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**c) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên	28.000.000.000	-
	<u>28.000.000.000</u>	<u>-</u>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng, được gửi tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á với lãi suất 7,3%/năm.

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	-	900.000.000
- Phải thu hợp đồng tư vấn	-	900.000.000
Phải thu khác	259.115.069	154.961.431
- Phải thu tiền chi hộ đối tác mua vé máy bay	-	128.462.749
- Dự thu lãi tiền gửi cố định	259.115.069	-
- Phải thu khác	-	26.498.682
	<u>259.115.069</u>	<u>1.054.961.431</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA, 360 Kim Mã,
P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

6 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Chi phí thuê phần mềm	1.707.000.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	420.078.889	18.674.167
	<u>2.127.078.889</u>	<u>18.674.167</u>

b) Chi phí trả trước dài hạn

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	866.194.941	924.696.833
Chi phí sửa chữa, trang trí văn phòng	1.392.378.885	777.630.150
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	8.670.000
	<u>2.258.573.826</u>	<u>1.710.996.983</u>

7 . CẢM CÓ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC**a) Ngắn hạn**

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Đặt cọc thuê phòng khách sạn	-	73.053.750
Đặt cọc thuê máy photocopy	5.000.000	-
	<u>5.000.000</u>	<u>73.053.750</u>

b) Dài hạn

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	612.322.110	616.597.110
	<u>612.322.110</u>	<u>616.597.110</u>

8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	17.687.150
Thuế Thu nhập cá nhân	70.615.602	590.791
	<u>70.615.602</u>	<u>18.277.941</u>

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2018	3.644.767.647	449.295.000	4.094.062.647
Mua trong kỳ	-	163.350.000	163.350.000
Thanh lý, nhượng bán	(631.782.188)	-	(631.782.188)
Tại ngày 30/06/2018	<u>3.012.985.459</u>	<u>612.645.000</u>	<u>3.625.630.459</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2018	2.807.563.904	10.901.055	2.818.464.959
Khấu hao trong kỳ	173.673.854	44.435.032	218.108.886
Thanh lý, nhượng bán	(605.012.465)	-	(605.012.465)
Tại ngày 30/06/2018	<u>2.376.225.293</u>	<u>55.336.087</u>	<u>2.431.561.380</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2018	837.203.743	438.393.945	1.275.597.688
Tại ngày 30/06/2018	<u>636.760.166</u>	<u>557.308.913</u>	<u>1.194.069.079</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Bản quyền, bằng sáng chế</u>	<u>Phần mềm giao dịch, kế toán</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2018	-	5.551.457.400	5.551.457.400
Mua trong kỳ	-	232.800.000	232.800.000
Giảm khác	-	(2.357.544.900)	(2.357.544.900)
Tại ngày 30/06/2018	<u>-</u>	<u>3.426.712.500</u>	<u>3.426.712.500</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2018	-	4.703.463.598	4.703.463.598
Khấu hao trong kỳ	-	298.554.613	298.554.613
Giảm khác	-	(2.356.413.993)	(2.356.413.993)
Tại ngày 30/06/2018	<u>-</u>	<u>2.645.604.218</u>	<u>2.645.604.218</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2018	-	847.993.802	847.993.802
Tại ngày 30/06/2018	<u>-</u>	<u>781.108.282</u>	<u>781.108.282</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CVTầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA, 360 Kim Mã,
P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	1.272.727	4.687.274
	<u><u>1.272.727</u></u>	<u><u>4.687.274</u></u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>30/06/2018</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>01/01/2018</u>
	(%)	VND	(%)	VND
Vốn góp của cổ đông trong nước	2,78%	2.500.000.000	5,00%	2.500.000.000
- Nguyễn Kim Hậu	2,78%	2.500.000.000	5,00%	2.500.000.000
Vốn góp của cổ đông nước ngoài	97,22%	87.500.000.000	95,00%	47.500.000.000
- Hu Ji Zhi	5,28%	4.750.000.000	9,50%	4.750.000.000
- Wei Xue Chun	5,28%	4.750.000.000	9,50%	4.750.000.000
- Jia Ming Hui	5,28%	4.750.000.000	9,50%	4.750.000.000
- Zhang Meng You	5,28%	4.750.000.000	9,50%	4.750.000.000
- Gong Hai	5,28%	4.750.000.000	9,50%	4.750.000.000
- Xiong Li Ting	5,28%	4.750.000.000	9,50%	4.750.000.000
- Li Zhong	5,28%	4.750.000.000	9,50%	4.750.000.000
- Wong Tze Lam	5,28%	4.750.000.000	9,50%	4.750.000.000
- Jiang Min	5,28%	4.750.000.000	9,50%	4.750.000.000
- Jiang Wen	5,28%	4.750.000.000	9,50%	4.750.000.000
- Viet Ocean Securities	44,44%	40.000.000.000	0,00%	-
	<u><u>100%</u></u>	<u><u>90.000.000.000</u></u>	<u><u>100%</u></u>	<u><u>50.000.000.000</u></u>

Trong kỳ, Viet Ocean Securities Financial Holdings Company Limited đã thực hiện góp vốn bằng tiền theo Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông số 03/2018/NQ-ĐHCĐ ngày 15/03/2018 nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh của Công ty, đáp ứng quy định pháp luật về vốn pháp định để xin cấp phép bổ sung các nghiệp vụ kinh doanh mới.

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(47.457.559.696)	(39.996.872.305)
	<u><u>(47.457.559.696)</u></u>	<u><u>(39.996.872.305)</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CVTầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA, 360 Kim Mã,
P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn	Từ 01/01/2018	Từ 01/01/2017
	đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	(39.996.872.305)	(33.519.860.758)
Lãi/lãi đã thực hiện kỳ này tính từ đầu kỳ	(7.460.687.391)	(1.861.979.510)
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối kỳ kế toán	(47.457.559.696)	(35.381.840.268)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối kỳ kế toán	(47.457.559.696)	(35.381.840.268)
13 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ		
	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	43.244.020	43.244.020
1. Nhà đầu tư trong nước	43.244.020	43.244.020
	43.244.020	43.244.020
14 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ		
	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	43.244.020	43.244.020
1.1. Nhà đầu tư trong nước	43.244.020	43.244.020
	43.244.020	43.244.020
15 . THU NHẬP		
b) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS	Từ 01/01/2018	Từ 01/01/2017
	đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
	VND	VND
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	259.115.069	-
	259.115.069	-
16 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	Từ 01/01/2018	Từ 01/01/2017
	đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
	VND	VND
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	58.379.312	26.953.952
	58.379.312	26.953.952

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA, 360 Kim Mã,
P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

17 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	2.661.327.261	-
Chi phí vật tư văn phòng	20.619.500	124.426.804
Chi phí công cụ, dụng cụ	330.398.392	-
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	516.663.499	540.603.042
Chi phí thuế, phí và lệ phí	16.753.406	4.619.702
Chi phí dự phòng	-	900.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.391.866.120	202.744.427
Chi phí khác	795.805.237	75.371.859
	7.733.433.415	1.847.765.834

18 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ điều chỉnh do không đủ điều kiện ghi nhận	27.900.630	-
Các khoản chậm nộp thuế	-	79.466.350
Các khoản khác	29.575.000	-
	57.475.630	79.466.350

19 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(7.460.687.391)	(1.861.979.510)
Các khoản điều chỉnh tăng	29.575.000	-
- Chi phí không hợp lệ	29.575.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(7.431.112.391)	(1.861.979.510)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 11, Trung tâm Thương mại DAEHA, 360 Kim Mã,
P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

20 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(7.460.687.391)	(1.861.979.510)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(7.460.687.391)	(1.861.979.510)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(829)	(372)

21 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.795.551.353	-	4.633.813.972	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	28.000.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu	259.115.069	-	1.054.961.431	(900.000.000)
	36.054.666.422	-	5.688.775.403	(900.000.000)
			30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
Chi phí phải trả			-	265.304.875
			-	265.304.875

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC, và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.795.551.353	-	-	7.795.551.353
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	28.000.000.000	-	-	28.000.000.000
Các khoản phải thu	259.115.069	-	-	259.115.069
	36.054.666.422	-	-	36.054.666.422
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.633.813.972	-	-	4.633.813.972
Các khoản phải thu	154.961.431	-	-	154.961.431
	4.788.775.403	-	-	4.788.775.403

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 01/01/2018				
Chi phí phải trả	265.304.875	-	-	265.304.875
	265.304.875	-	-	265.304.875

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Tại ngày 11/07/2018, Ủy ban chứng khoán chấp nhận bổ sung hoạt động môi giới chứng khoán cho Công ty Cổ phần Chứng khoán CV theo Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 48/GPĐC-UBCK.

Ngoài ra không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

24 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty đang trong giai đoạn xin cấp phép nên trong kỳ chưa phát sinh doanh thu, chi phí liên quan đến các hoạt động kinh doanh chính do đó không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.


25 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

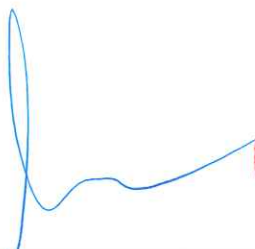
Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	500.000.000	-

26 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.


Vũ Thị Thúy Hà
Người lập


Vũ Thị Thúy Hà
Kế toán trưởng


Nguyễn Kim Hậu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2018